

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 530/2024/DS-PT

Ngày: 06/11/2024

V/v tranh chấp "Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung

Ông Võ Thanh Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 475/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Duy P (tên gọi khác: N), sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1970 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:*

Khoảng tháng 01/2022 (âm lịch) vợ chồng ông P2 và bà P1 có nhờ anh chơi dùm 01 phần hội do bà Lê Thị Kim C làm chủ, hội loại 3.000.000 đồng, dây hội gồm 51 phần, khai đầu vào ngày 20/01/2022 (âm lịch), đóng hội vào ngày 25 âm lịch hàng tháng.

Sau khi tham gia vào dây hội thì bà P1, ông P2 kêu anh hốt hội ở kỳ đầu tiên để lấy tiền trả nợ với giá 1.250.000 đồng, anh có khuyên nếu hốt hội giá cao như vậy sẽ lỗ rất nhiều, nhưng bà P1, ông P2 vẫn kiên quyết hốt, nên anh làm theo ý của bà P1, ông P2. Anh kêu giá 1.250.000 đồng và hốt được hội với số tiền 87.500.000 đồng, trừ hoa hồng 50% là 1.500.000 đồng, còn lại 86.000.000 đồng, anh đã giao tiền cho bà P1, ông P2 và vợ chồng bà P1 có viết lại giấy biên nhận cho anh hứa sẽ đóng lại hội chết hàng tháng vào ngày 25 âm lịch, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến mãn hội ngày 25/02/2026 âm lịch. Nhưng sau khi nhận được tiền hốt hội thì vợ chồng bà P1, ông P2 không đóng tiền hội chết cho anh kỳ nào cả, anh phải đóng choàng cho bà P1, ông P2 đến ngày 25/4/2024 âm lịch là 27 tháng là 81.000.000 đồng, còn lại 23 kỳ hội chết là 69.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu vợ chồng bà P1, ông P2 trả cho anh toàn bộ số tiền hội chết của 50 kỳ là 150.000.000 đồng, trả làm một lần.

** Tại bản tự khai ngày 19/3/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn P2 trình bày:*

Vợ chồng ông có vay tiền của anh P nhiều lần từ năm 2018, đến ngày 20/4/2021 vợ chồng ông còn nợ anh P vốn, lãi tổng cộng là 50.000.000 đồng và vợ chồng ông có viết “giấy cho nhận tiền” cho anh P. Sau đó vợ chồng ông có nhờ anh P chơi dùm 01 phần hội để lấy tiền trả nợ cho anh P. Ngày 20/01/2022 âm lịch vợ chồng ông có viết 01 giấy biên nhận cho anh P với nội dung nhờ anh P (tên gọi khác là N) góp dùm 01 phần hội tháng loại 3.000.000 đồng, dây hội có 51 phần, ngày mở hội là 20/01/2022 âm lịch, ngày đóng hội là ngày 25 âm lịch hàng tháng.

Vài ngày sau, anh P đến nhà ông, lúc này chỉ có Nguyễn Thị Ngọc Y là con gái của ông ở nhà, anh P nói hốt hội được 87.500.000 đồng, trừ đầu thảo 1.500.000 đồng, còn lại 86.000.000 đồng. Anh P tự tính tiền vay và tiền lãi do vợ chồng ông nợ tổng cộng là 74.000.000 đồng và trừ vào tiền hội, còn lại 12.000.000 đồng đưa cho Y, kêu Y nhận đưa lại cho vợ chồng ông.

Sau khi nghe Y thông báo việc anh P đến giao tiền hội như vậy thì vợ chồng ông có điện thoại cho anh P thông báo là không góp hội nữa do hốt hội như vậy là giá quá cao và đóng lại hội chết quá nhiều. Sau khi thông báo không góp hội nữa, vợ chồng ông đã vay tiền Ngân hàng trả cho anh P 50.000.000 đồng và anh P có trả lại cho vợ chồng ông “giấy cho nhận tiền” ngày 20/4/2021. Số tiền 12.000.000 đồng của anh P đưa đến nay vợ chồng ông vẫn còn giữ. Nay anh P kiện đòi vợ chồng ông trả số tiền hội 150.000.000 đồng, ông không đồng ý trả.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Thị P1 trình bày:*

Bà P1 thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn P2, bà cũng không đồng ý trả số tiền hụi 150.000.000 đồng theo yêu cầu của ông P.

Bà thống nhất giấy biên nhận do ông P giao nộp cho Tòa án là do bà trực tiếp viết, sau đó bà và ông P2 ký tên vào. Do bà nghĩ đã trả cho ông P số tiền 50.000.000 đồng và ông P đã trả lại “giấy cho nhận tiền” ngày 20/4/2021 là xong hết nợ giữa đôi bên, nên vợ chồng bà không yêu cầu ông P hủy bỏ hay giao lại giấy biên nhận này cho vợ chồng bà. Việc vợ chồng bà thông báo cho ông P là không góp hụi nữa và trả cho ông P số tiền 50.000.000 đồng không có lập văn bản gì, cũng không có ai chứng kiến.

** Tại bản tự khai ngày 10/5/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:*

Chị là con của ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị P1. Chị có nhận của ông P số tiền 12.000.000 đồng không nhớ ngày tháng nhận. Khi đưa tiền cho chị, ông P kêu chị nhận dùm cha mẹ nên chị nhận và chị có viết giấy xác nhận có nhận số tiền 12.000.000 đồng, còn đó là tiền gì chị không biết.

Vụ hụi hùn của cha mẹ, chị cũng không biết. Việc chị hứa phụ cha mẹ trả nợ là do chị có nhận số tiền 12.000.000 đồng của ông P. Nếu Tòa buộc cha mẹ chị trả số tiền 12.000.000 đồng này thì chị sẽ phụ trả, còn các số tiền khác chị không biết. Số tiền 12.000.000 đồng chị đã giao lại cho cha mẹ chị giữ.

Việc ông P kiện cha mẹ chị trả nợ hụi 150.000.000 đồng chị không có ý kiến vì chị không có liên quan gì đến số tiền nợ hụi đó.

Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 115, 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

1. Buộc ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị P1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Với thời gian trả như sau:

- Trả số tiền 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Số tiền còn lại 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) vào ngày 25 âm lịch hàng tháng. Thực hiện lần đầu vào ngày 25/6/2024 âm lịch (tức ngày 30/7/2024 dương lịch) cho đến khi hết 63.000.000 đồng vào ngày 25/02/2026 âm lịch.

2. Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; ông P2, bà P1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 01 tháng 8 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị P1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Duy P do bà P1 không có nợ tiền hui của anh P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Duy P không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp “Đòi tài sản”, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P1 là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn P2 có đơn xin xét xử vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc Y đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P2, chị Y.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1 yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Duy P do bà P1 không có nợ tiền hụi của anh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị P1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn đã cung cấp giấy biên nhận nợ (không ghi ngày tháng) mà vợ chồng bà P1, ông P2 đã viết nhận nợ cho anh. Trong giấy biên nhận này ghi rõ là "*vợ chồng tôi có nhờ em N (là tên thường gọi của anh P) chơi dùm đầu hụi 3.000.000 đồng, góp ngày 20/01/2022, hụi gồm 51 phần. Tôi hót tháng đầu còn 50 người sống, hàng tháng tôi vẫn đóng vào ngày 25 hàng tháng đóng tới mãi 25/3/2026*" (bút lục số 20), giấy biên nhận này có chữ viết và chữ ký của cả ông P2 và bà P1; đồng thời bà P1 cũng thừa nhận bà có tự nguyện trực tiếp viết giấy biên nhận này và cùng ông P2 ký tên vào. Sau khi hót hụi, anh P đã đến nhà đưa tiền cho vợ chồng ông P2, bà P1 và sau khi cần trả nợ vay của anh P 50.000.000 đồng tiền gốc và 24.000.000 đồng tiền lãi, còn lại 12.000.000 đồng anh P đã giao cho chị Y (con ông P2, bà P1), chị Y cũng giao lại số tiền này cho cha mẹ; và ông P2, bà P1 cũng thừa nhận đã nhận số tiền 12.000.000 đồng tiêu xài. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền 150.000.000 đồng của anh P yêu cầu bà P1 và ông P2 trả một lần là không có căn cứ. Vì hiện tại khoản nợ anh P đã trả cho chủ hụi là với số tiền là 87.000.000 đồng, số tiền 63.000.000 đồng còn lại thì anh P trả dần chủ hụi hàng tháng. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bà P1, ông P2 trả dần cụ thể là: trả số tiền 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật; số tiền còn lại 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) vào ngày 25 âm lịch hàng tháng. Thực hiện lần đầu vào ngày 25/6/2024 âm lịch (tức ngày 30/7/2024 dương lịch) cho đến khi hết 63.000.000 đồng vào ngày 25/02/2026 âm lịch là có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà P1 về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: bà P1 cho rằng khi biết anh P đã hót hụi với giá cao, ông bà đã thông báo cho anh P là không chơi hụi nữa, đồng thời vợ chồng ông bà đã vay tiền Ngân hàng trả cho anh P 50.000.000 đồng thì anh P có trả lại cho vợ chồng ông bà "giấy cho nhận tiền" ngày 20/4/2021. Việc ông P2, bà P1 thông báo với anh P không đồng ý chơi hụi nữa và vay tiền trả cho anh P 50.000.000 đồng không được anh P thừa nhận và ông P2, bà P1 cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn cũng thừa nhận biết anh P đưa cho chị Y (con ruột của ông P2 và bà P1) là số tiền 12.000.000 đồng là số tiền hụi nhưng ông P2 và bà P1 không trả lại cho

anh P mà đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân cho gia đình (bút lục 46 đến 50). Vì vậy, phía bị đơn cho rằng không nhờ anh P đứng ra chơi hụi và không nợ số tiền 150.000.000 đồng như chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp. Điều này là không phù hợp với những chứng cứ khách quan và những lời trình bày của đương sự tại cấp sơ thẩm. Phía bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 115, 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

1. Buộc ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị P1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Với thời gian trả như sau:

- Trả số tiền 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Số tiền còn lại 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) vào ngày 25 âm lịch hàng tháng. Thực hiện lần đầu vào ngày 25/6/2024 âm lịch (tức ngày 30/7/2024 dương lịch) cho đến khi hết 63.000.000 đồng vào ngày 25/02/2026 âm lịch.

2. Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; ông P2, bà P1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị P1 phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Duy P không phải chịu án phí. H lại cho anh P 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001608 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị P1 chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà P1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001777 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang nên bà P1 đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T, TG;
- Chi cục huyện T, TG;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2024 (H)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải